

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Lý*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Nguyễn Lâm Giang

*- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Nam*

Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị C, sinh năm 1983 (có mặt)*

Nơi ĐKTT: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Địa chỉ: thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

*- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh D:*

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951 là mẹ đẻ (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2018, bản tự khai ngày 09/ 3/ 2018 và biên bản lấy lời khai tiếp theo thì nguyên đơn là chị Giáp Thị C trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D tháng 10 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh D làm dâu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D vô cớ đánh đập, gây tổn hại về sức khỏe đối với chị. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2011 đến nay, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai D<sub>1</sub> sinh ngày 11 tháng 9 năm 2004. Hiện con chung đang ở với anh D. Ban đầu chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung nhưng sau đó chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung;

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: chị C giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh D và rút yêu cầu không đề nghị xem xét về việc nuôi dưỡng con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2018 thì bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh đăng ký kết hôn với chị C năm 2003. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc cho tới vài năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau. Năm 2011 chị C đi lao động ở nước ngoài và đến năm 2016 thì trở về địa phương. Tháng 12 năm 2017, chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vẫn còn nên anh không muốn ly hôn với chị C nhưng do chị C vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý.

Về con chung: hiện anh đang nuôi dưỡng con chung của anh và chị C là cháu Nguyễn Thị Mai D<sub>1</sub> sinh ngày 11 tháng 9 năm 2004. Do chị C không yêu cầu xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên anh cũng đồng ý với ý kiến của chị C, không đề nghị xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng;

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: anh D vắng mặt;

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn D là bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ anh D trình bày:

Kể từ sau khi kết hôn, vợ chồng anh D chị C chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay đánh cãi nhau. Năm 2014, anh D phải điều trị tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bắc Giang với chẩn đoán bị tâm thần phân liệt không biệt định nên vẫn sử dụng thuốc định kỳ hàng tháng. Hiện sức khỏe anh D ổn định và tham gia lao động sản xuất nông nghiệp bình thường cùng gia đình. Kể từ tháng 12 năm 2017, chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân cho

đến nay. Do chị C vẫn cương quyết xin ly hôn với anh D nên bà đề nghị căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Tại phiên tòa: bà S vắng mặt;

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho chị C ly hôn với anh D và buộc chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến đề nghị của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 06 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Giáp Thị C với bị đơn là anh Nguyễn Văn D là theo đúng thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bị đơn là anh Nguyễn Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh D là bà Nguyễn Thị S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D và bà S là phù với quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc rút yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung của chị Giáp Thị C:

Trong đơn khởi kiện, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị và anh Nguyễn Văn D là cháu Nguyễn Thị Mai D<sub>1</sub> sinh ngày 11 tháng 9 năm 2004 nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị C đã tự nguyện rút phần yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Giáp Thị C và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 29 tháng 10 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T nên hôn nhân giữa chị C và anh D là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Tháng 12/2017, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị C xin ly hôn với anh D và được anh D đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C để xử cho chị C được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

[5] Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản và ruộng canh tác: do cả chị C và anh D đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Giáp Thị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung của chị Giáp Thị C.

2. Về quan hệ hôn nhân: chị Giáp Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

3. Về án phí: chị Giáp Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001842 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN**

- UBND xã L;
- Các đương sự và NBVQLIHP;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Ngọc Lý**